Chi tiết mã HS 7508.90.50

Mã HS	7508.90.50
Mô tả hàng hóa	Sản phẩm khác bằng niken / - Loại khác: / - - Các sản phẩm mạ điện a-nốt, bao gồm cả các sản phẩm sản xuất bằng phương pháp điện phân
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	15/11/2026 08:54:53
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/75089050/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12168
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12168
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q12168
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ12168
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11512
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11455
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11455
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11455
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11455
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11455
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11455
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11507
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11507

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11507
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11507
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11507
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11507
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11508
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11508
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11508
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11508
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11508
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11508
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11511
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11461
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11467
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11467
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11467
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11467
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11467
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11467
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11500
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11500
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11500
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11500
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11500
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11500
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11545
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11545

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11545
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11545
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11545
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11545
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11530
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11530
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11530
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11530
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11530
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11530
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11530
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11530
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11530
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11530
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11530
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11530
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11547
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11547
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11547
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11547
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11547
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11547
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11546
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11546
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11546
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11546

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11546
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11546
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11493
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11493
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11493
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11493
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11493
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11493
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11493
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11530
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11530
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11530
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11530
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11530
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11530
RCEP B	2022	2022	0	B!D11530
RCEP B	2023	2023	0	B!E11530
RCEP B	2024	2024	0	B!F11530
RCEP B	2025	2025	0	B!G11530
RCEP B	2026	2026	0	B!H11530
RCEP B	2027	2027	0	B!I11530
RCEP C	2022	2022	0	C!D11530
RCEP C	2023	2023	0	C!E11530
RCEP C	2024	2024	0	C!F11530
RCEP C	2025	2025	0	C!G11530
RCEP C	2026	2026	0	C!H11530

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11530
RCEP D	2022	2022	0	D!D11529
RCEP D	2023	2023	0	D!E11529
RCEP D	2024	2024	0	D!F11529
RCEP D	2025	2025	0	D!G11529
RCEP D	2026	2026	0	D!H11529
RCEP D	2027	2027	0	D!I11529
RCEP E	2022	2022	0	E!D11533
RCEP E	2023	2023	0	E!E11533
RCEP E	2024	2024	0	E!F11533
RCEP E	2025	2025	0	E!G11533
RCEP E	2026	2026	0	E!H11533
RCEP E	2027	2027	0	E!I11533
RCEP F	2022	2022	0	F!D11530
RCEP F	2023	2023	0	F!E11530
RCEP F	2024	2024	0	F!F11530
RCEP F	2025	2025	0	F!G11530
RCEP F	2026	2026	0	F!H11530
RCEP F	2027	2027	0	F!I11530
VIFTA	2024	2024	0	VI!F10671
VIFTA	2025	2025	0	VI!G10671
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10671
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10671

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7508.90 có 3 dòng thuế; dòng 7508.90.50 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Các sản phẩm mạ điện a-nốt, bao gồm cả các sản phẩm sản xuất bằng phương pháp điện phân.	7508.90.30 Bu lông và đai ốc; 7508.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Niken > Bán thành phẩm, sản phẩm bằng đồng hoặc hợp kim đồng. (Tham chiếu mã HS 2 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7508.90.50. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7508.90.50 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12168), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.